TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn N và gia đình thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hà M, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: tổ 2, khu phố B, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: tổ 6, khu phố V, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Huỳnh Hà M trình bày:

- Về quan hệ hôn N: Bà Huỳnh Hà M và ông Nguyễn Văn T tìm hiểu nhau được một thời gian thì cả hai tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2015, Quyển số 01/2015 ngày 31-10-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình chồng tại địa chỉ thường trú: tổ 6, khu phố V, phường T, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc, cùng nhau lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình. Vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không tìm được sự đồng cảm trong việc giải quyết các vấn đề trong gia đình, công việc và cuộc sống; vợ chồng không tin tưởng nhau. Hiện tại bà M đã ra ngoài thuê phòng trọ sống; còn ông T vẫn sống cùng cha mẹ. Vợ chồng đã ly thân. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn N không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01-9-2020. Hiện tại, cháu N đang sống cùng bà M. Khi ly hôn, bà M yêu cầu nuôi dưỡng con chung; yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho tới khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban N dân và Công an phường Thái Hoà, được cung cấp thông tin như sau: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 6, khu phố Vĩnh Phước, phường Thái Hoà, thị xã (nay là thành phố)Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Cho đến nay địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng Bà Huỳnh Hà M và ông Nguyễn Văn T nên địa phương không rõ vợ chồng bà M và ông T có mâu thuẫn như thế nào.

Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn N và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Về quan hệ hôn N: Bà Huỳnh Hà M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01-9-2020 cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)* cho tới khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Huỳnh Hà M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T và yêu cầu giao quyền nuôi con cho bà M sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh và quá trình giải quyết vụ án xác định, ông Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 6, khu phố Vĩnh Phước, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn N: Bà Huỳnh Hà M và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban N dân phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2015, Quyển số 01/2015 ngày 31-10-2015. Theo quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014, đây là hôn N hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Huỳnh Hà M xác định cuộc sống hôn N giữa bà và chồng là ông Nguyễn Văn T không còn hạnh phúc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau, ông T sống thiếu có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu bia về gây gỗ, hăm doạ bà M nhiều lần. Vợ chồng đã ly thân. Tuy nhiên, Cả hai đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn không đến Tòa án, cho thấy ông T không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía bà M, trong quá trình tố tụng xác định hoàn T không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông T. Xét thấy, quan hệ hôn N tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn N của bà M và ông T đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà M và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được, bà M có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng bà M và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01-9-2020. Hiện tại, cháu N đang sống với bà M. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con chung.

Tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014 quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".*

Xét thấy, tại thời điểm xét xử cháu Nguyễn Thiện N dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ; hiện tại cháu N cũng đang sống cùng với bà M và bà M có thu nhập ổn định. Do đó, bà M yêu cầu được quyền nuôi con chung là không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01-9-2020 mỗi tháng

2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)* cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại Điều 110 của Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con ...*".

Xét thấy, bà M yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)* là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi này, phù hợp với quy định tại Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Hà M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với bị đơn ông Nguyễn Văn T như sau:

- *Về quan hệ hôn N:* Bà Huỳnh Hà M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- *Về việc nuôi con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01-9-2020 cho Bà Huỳnh Hà M được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Huỳnh Hà M và ông Nguyễn Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01-9-2020 mỗi tháng là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho tới khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Hà M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn N và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006626 ngày 05-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Lê